

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA TAI-MŨI-HỌNG

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
A. TAI - TAI THẦN KINH			
1	2030.15.45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dai tai	T3
2	2030.15.46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	T3
3	2030.15.47	Cắt bỏ vành tai thừa	T3
4	2030.15.48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	T3
5	2030.15.49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	T3
6	2030.15.50	Chích rạch màng nhĩ	T3
7	2030.15.51	Khâu vết rách vành tai	T3
8	2030.15.52	Bơm hơi vôi nhĩ	T3
9	2030.15.53	Phẫu thuật nạo vết sụn vành tai	T3
10	2030.15.54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	T3
11	2030.15.55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	T3
12	2030.15.56	Chọc hút dịch vành tai	T3
13	2030.15.57	Chích nhọt ống tai ngoài	T3
14	2030.15.58	Làm thuốc tai	T3
15	2030.15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	T3
B. MŨI-XOANG			
16	2030.15.74	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	T2
17	2030.15.75	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	T2
18	2030.15.77	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	T3
19	2030.15.78	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	T3
20	2030.15.79	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	T3
21	2030.15.80	Cắt Polyp mũi	T3
22	2030.15.81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	T3
23	2030.15.82	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng Laser	T2
24	2030.15.83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa	T3
25	2030.15.84	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	T2
26	2030.15.85	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	T3
27	2030.15.86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	T3
28	2030.15.97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	T2
29	2030.15.98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	T3
30	2030.15.99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	T3
31	2030.15.100	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser	T2
32	2030.15.102	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	T2
33	2030.15.103	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi	T2
34	2030.15.104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	T3
35	2030.15.106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	T3
36	2030.15.110	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	T3
37	2030.15.111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	T3
38	2030.15.113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	T2
39	2030.15.127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	T3
40	2030.15.130	Đốt điện cuốn mũi dưới	T3
41	2030.15.131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	T3
42	2030.15.132	Bé cuốn mũi	T3
43	2030.15.133	Nội soi bé cuốn mũi dưới	T3
44	2030.15.134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	T3
45	2030.15.138	Chọc rửa xoang hàm	T3
46	2030.15.139	Phương pháp Proetz	T3
47	2030.15.140	Nhét bắc mũi sau	T3

48	2030.15.141	Nhét bắc mũi trước	T3
49	2030.15.142	Cầm máu mũi bằng Merocel	T3
50	2030.15.143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	T3
51	2030.15.144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	T3
52	2030.15.145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	T3
53	2030.15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	T3
54	2030.15.147	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	T3
		C. HỌNG-THANH QUẢN	
55	2030.15.149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	T3
56	2030.15.150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator	T3
57	2030.15.151	Phẫu thuật cắt u Amydal	T2
58	2030.15.155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	T2
59	2030.15.156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	T3
60	2030.15.157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	T3
61	2030.15.158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	T2
62	2030.15.159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hồ lưỡi thanh thiệt	T2
63	2030.15.160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	T2
64	2030.15.161	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	T2
65	2030.15.162	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mỡ/Teflon...)	T2
66	2030.15.163	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản điều trị liệt dây thanh	T2
67	2030.15.174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	T3
68	2030.15.175	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,...)	T2
69	2030.15.206	Chích áp xe sàn miệng	T3
70	2030.15.207	Chích áp xe quanh Amidan	T3
71	2030.15.208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	T3
72	2030.15.209	Cắt phanh l-ưỡi	T3
73	2030.15.210	Sinh thiết u hạ họng	T3
74	2030.15.211	Sinh thiết u họng miệng	T3
75	2030.15.212	Lấy dị vật họng miệng	T3
76	2030.15.213	Lấy dị vật hạ họng	T3
77	2030.15.214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	T3
78	2030.15.215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	T3
79	2030.15.216	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	T3
80	2030.15.217	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	T3
81	2030.15.218	Bơm thuốc thanh quản	T3
82	2030.15.219	Đặt nội khí quản	T3
83	2030.15.220	Thay canuyn	T3
84	2030.15.221	Sơ cứu bông đường hô hấp	T3
85	2030.15.222	Khí dung mũi họng	T3
86	2030.15.223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	T3
87	2030.15.224	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	T3
		D. ĐẦU CỔ	
88	2030.15.299	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	T3
89	2030.15.300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	T3
90	2030.15.301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	T3
91	2030.15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	T3
92	2030.15.303	Thay băng vết mổ	T3
93	2030.15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	T3